

Bản án số: 56/2024/HS-PT
Ngày 26-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Hà

Các Thẩm phán: Ông Vũ Quang Trung
Ông Đặng Minh Hạnh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 27/2024/TLPT-HS ngày 01 tháng 3 năm 2024 đối với các bị cáo Trần Nguyễn Nguyên V, Vũ Đình M, Phạm Ngọc H, Lê Văn L, Vũ Khánh D, Trần Quốc T do có kháng cáo của các bị cáo Vũ Khánh D, Trần Quốc T, Phạm Ngọc H, Lê Văn L và người đại diện hợp pháp của bị cáo Vũ Đình M, Trần Nguyễn Nguyên V, Vũ Khánh D đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2024/HS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Nguyễn Nguyên V, sinh ngày 18 tháng 4 năm 2006 (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội 16 tuổi 10 tháng 16 ngày) tại Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn P, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quang V1 và bà Nguyễn Thị H1, tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04 tháng 8 năm 2023, đến ngày 02 tháng 10 năm 2023 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh; có mặt.

2. Vũ Đình M, sinh ngày 16 tháng 7 năm 2006 (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội 16 tuổi 7 tháng 19 ngày), tại Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn A, xã G,

huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đình H2 và bà Trương Thị T1, tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 12/5/2023, bị Công an huyện T xử lý vi phạm hành chính về hành vi mang theo trong người hoặc tàng trữ, cất giấu các loại vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ hoặc các loại công cụ, phương tiện khác có khả năng sát thương; đồ vật, phương tiện giao thông nhằm mục đích gây rối trật tự công cộng, cố ý gây thương tích cho người khác; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04 tháng 8 năm 2023, đến ngày 02 tháng 10 năm 2023 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh; có mặt.

3. Phạm Ngọc H, sinh năm 2004 tại Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn D, xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Phạm Thị H3 và bố không xác định được; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04 tháng 8 năm 2023, đến ngày 02 tháng 10 năm 2023 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh; có mặt.

4. Lê Văn L, sinh ngày 01 tháng 8 năm 2005, (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội 17 tuổi 7 tháng 03 ngày) tại Hải Phòng; nơi cư trú: Tổ dân phố H, thị trấn M, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T2 và bà Dương Thị H4; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bắt tạm giam từ ngày 04 tháng 8 năm 2023, đến ngày 02 tháng 10 năm 2023 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh; có mặt.

5. Vũ Khánh D, sinh ngày 17 tháng 01 năm 2007 (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội 16 tuổi 01 tháng 18 ngày) tại Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn D, xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vũ Văn K và bà Vũ Thị N; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 12/5/2023, bị Công an huyện T xử lý vi phạm hành chính về hành vi mang theo trong người hoặc tàng trữ, cất giấu các loại vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ hoặc các loại công cụ, phương tiện khác có khả năng sát thương; đồ vật, phương tiện giao thông nhằm mục đích gây rối trật tự công cộng, cố ý gây thương tích cho người khác; bị bắt tạm giam từ ngày 04 tháng 8 năm 2023; có mặt.

6. Trần Quốc T, sinh ngày 05 tháng 5 năm 2005 (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội 17 tuổi 9 tháng 29 ngày); tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn A, xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Trần Thị K1 và bố không xác định được; tiền án, tiền sự: Không; ngày 12/5/2023, bị Công an huyện T xử lý vi phạm hành chính về hành vi mang theo trong người hoặc tàng trữ, cất giấu các loại vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ

hoặc các loại công cụ, phương tiện khác có khả năng sát thương; đồ vật, phương tiện giao thông nhằm mục đích gây rối trật tự công cộng, cố ý gây thương tích cho người khác; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04 tháng 8 năm 2023, đến ngày 02 tháng 10 năm 2023 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh; có mặt.

- *Các bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị:* Ngoài ra còn có 03 bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Nhật T3, sinh ngày 26/10/2006; địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Nguyễn Xuân C, sinh năm 1980 và bà Đào Thị A, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Trần Nguyễn Nguyên V kháng cáo:* Ông Trần Quang V1, sinh năm 1983 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1985; cùng địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng (bố mẹ của bị cáo); cùng có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Vũ Đình M:* Ông Vũ Đình H2, sinh năm 1977 và bà Trương Thị T1, sinh năm 1983; cùng địa chỉ: Thôn A, xã G, Huyện T, thành phố Hải Phòng (bố mẹ của bị cáo); ông H2 vắng mặt, bà T1 có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Vũ Khánh D:* Ông Vũ Văn K, sinh năm 1984 và bà Vũ Thị N, sinh năm 1983; cùng địa chỉ: Thôn D, xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng (bố mẹ của bị cáo); cùng có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Nguyễn Nguyên V:* Bà Đặng Thị Minh L1 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố H; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Vũ Đình M, Vũ Khánh D:* Bà Nguyễn Thị Bích L2 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố H; vắng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Vũ Khánh D và bị cáo Trần Quốc T:* Ông Nguyễn Văn T4, ông Đinh Phú M1 và ông Đinh Hữu C1 – Luật sư Công ty L3, Đoàn luật sư thành phố H; ông T4, ông M1 có mặt, ông C1 vắng mặt.

- Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thị trấn M, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Các bị cáo Vũ Khánh D, Trần Quốc T, Phạm Ngọc H, Lê Văn L và người đại diện hợp pháp của bị cáo Vũ Đình M, Trần Nguyễn Nguyên V, Vũ Khánh D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 04/3/2023, Nguyễn Nhật T3, sinh ngày 26/10/2006 (16 tuổi 4 tháng 09 ngày), trú tại xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng đến nhà Trần Nguyễn Nguyên V (16 tuổi 10 tháng 16 ngày) chơi. Tại đây T3 rủ V đi đua xe nhưng V không đồng ý dẫn đến mâu thuẫn, cãi chửi, thách thức nhau. Để giải quyết mâu thuẫn T3 và V hẹn tối cùng ngày đến khu vực cổng Trung tâm dạy nghề lái xe N2 thuộc thôn B, xã T, huyện T để đánh nhau.

Để thực hiện ý định trên, T3 mang theo 01 chiếc gậy rút ba khúc bằng kim loại đến gặp Phạm Khắc H5, sinh ngày 11/02/2006, trú tại xã K, huyện T (là bạn của T3) nói lại sự việc và rủ H5 đi đánh nhau cùng T3, Hòa đồng ý. Sau đó, H5 và T3 đi trên một xe mô tô đến điểm hẹn.

Sau khi hẹn T3 đánh nhau, V đến gặp Vũ Đình M (16 tuổi 7 tháng 19 ngày), Phạm Văn Công T5 (16 tuổi 5 tháng 12 ngày) kể lại sự việc và rủ M và T5 đi đánh nhau, cả hai đều đồng ý. Sau khi được V rủ đi đánh nhau, M đến khu vực thôn D, xã G, huyện T gặp và rủ Đỗ Đăng T6 (16 tuổi 02 tháng 15 ngày), Đàm Trì N1 (16 tuổi 02 tháng 22 ngày), Lê Văn L (17 tuổi 7 tháng 03 ngày), Phạm Ngọc H đi chơi và giúp V, M đánh nhau, N1, H, L và T6 đều đồng ý. Sau đó, M gặp Nguyễn Sĩ T7, sinh ngày 02/10/2006, trú tại xã C, huyện T (là bạn của M) tại quán điện tử thuộc thôn D, xã G. Do T7 có xe mô tô nên M rủ T7 đi chơi, T7 đồng ý và cả hai đến nhà Trần Quốc T (17 tuổi 9 tháng 29 ngày) và rủ T đi chơi cùng, T đồng ý. Đỗ Đăng T6 gặp Vũ Khánh D (16 tuổi 01 tháng 18 ngày) ở khu vực đường liên thôn D, xã G, T6 rủ D đi chơi, lượn đường thì D đồng ý đi bằng xe mô tô của D. Lúc này, L chở H đến khu vực vòng xuyến ngã ba Đ, huyện T lấy 01 kiếm dài khoảng 70 đến 80 cm mà H cất giấu trước đó để đi đánh nhau.

Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, nhóm V (10 người) gồm: V, M, N1, T6, H, T5, D, T, L và T7 lần lượt có mặt tại khu vực B, xã T, huyện T. Tại đây, V gọi điện cho T3 hỏi “đang ở đâu” thì T3 trả lời “đang ở cổng trường L4”. Thấy vậy, V nói “quay lại trường L4 đánh thằng này” thì M nói tiếp lời V “quay lại trường L4 đánh thằng này” để cả nhóm nghe thấy, đi theo (lúc này D, T mới biết là cả nhóm rủ đi đánh nhau); riêng T7 ngồi trên xe máy sử dụng điện thoại (cách nhóm M khoảng 7 đến 10 mét) không biết việc đi đánh nhau. Lúc này, H đưa kiếm cho N1 cầm. Khi đi, L chở N1 cầm kiếm bằng xe Wave trắng, T5 chở V bằng xe Wave trắng, T chở H bằng xe Wave đen, D chở T6 bằng xe Wave trắng, M chở T7 bằng xe Wave đen đến khu vực cổng Trung tâm L5

Khi cả nhóm đi đến Cổng trường L4 thì gặp T3 và H5 đang đợi, V xuống xe nói “ý mày làm sao” và dùng tay đẩy T3, T3 rút gậy ba khúc bằng kim loại

ra. Thấy T3 rút gậy sắt, L hô “chém chết mẹ nó đi” thì N1 cầm kiếm chạy đến chém 01 nhát từ trên xuống về phía T3, T3 cầm gậy bằng tay phải giơ lên đỡ thì bị chém đứt lìa ngón tay cái. T3 cầm gậy vụt lại N1 nhưng không trúng. Cùng lúc này T6 nhặt 01 cành cây đập 2 đến 3 nhát vào vai trái của T3, T3 cầm gậy vụt lại nhưng không trúng. H lấy kiếm từ tay N1 lao vào chém T3 nhưng không trúng rồi cùng T6 cầm cành cây đuôi đánh T3, T3 cầm gậy vụt lại nhưng không trúng. T3 bỏ chạy thì T6 ném gậy gỗ về phía T3, N1 chạy đến rút chìa khóa xe của T3 vứt đi. Trong lúc N1, T6, H đang đánh T3 thì V dùng tay nắm 01 nhát vào mặt H5, H5 không đánh trả. Thấy T3 bỏ chạy, nên cả nhóm lên xe (T5 chở V, T chở H, D chở T6, L chở N1, T7 chở M) bỏ đi, H lên cầu B vứt thanh kiếm dùng chém T3 xuống sông. T3 bị thương được đưa đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện V2.

Sau khi nhận được tin báo, Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh theo quy định. Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 gậy rút ba khúc có cán bọc nhựa màu đen dài 23,5 cm, thân bằng kim loại tối màu, dài tổng thể 63 cm (do T3 giao nộp) và 01 USB chứa video vụ việc trích xuất từ camara an ninh tại phòng bảo vệ Trung tâm L5

Tại bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 251/2023/KLTTCT-TTPYHP ngày 28/4/2023 của Trung tâm P kết luận Nguyễn Nhật T3 có các thương tích: Vết thương vòng quanh đốt 1 ngón I bàn tay phải, gãy xương đốt 1 ngón I tay phải còn cứng khớp liên đốt 1-2 ngón I tay phải, vết thương rách da đốt 3 ngón II bàn tay phải, vết thương rách da đốt 3 ngón III bàn tay phải; tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 12 % (sẹo vết thương vòng quanh đốt 1 ngón I bàn tay phải, gãy xương đốt 1 ngón I tay phải còn cứng khớp liên đốt 1-2 ngón I tay phải là 10%, sẹo vết thương rách da đốt 3 ngón II bàn tay phải là 01%, sẹo vết thương rách da đốt 3 ngón III bàn tay phải là 01%). Các thương tích có đặc điểm do vật sắc tác động trực tiếp theo hướng gần như vuông góc với bề mặt da nơi tổn thương gây nên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2024/HS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm o khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự xử phạt: **Trần Nguyễn Nguyên V** 30 (Ba mươi) tháng tù về tội Cố ý gây thương tích. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án (trừ cho bị cáo thời gian bị tạm giam từ ngày 04/8/2023 đến ngày 02/10/2023).

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm o khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự xử phạt: **Vũ Đình M** 30 (Ba mươi) tháng tù về tội Cố ý gây thương tích. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án (trừ cho bị cáo thời gian bị tạm giam từ ngày 04/8/2023 đến ngày 02/10/2023).

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự xử phạt: **Phạm Ngọc H** 30 (Ba mươi) tháng tù về tội Cố ý gây thương tích. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án (trừ cho bị cáo thời gian bị tạm giam từ ngày 04/8/2023 đến ngày 02/10/2023).

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự xử phạt: **Lê Văn L** 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội Cố ý gây thương tích. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án (trừ cho bị cáo thời gian bị tạm giam từ ngày 04/8/2023 đến ngày 02/10/2023).

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự xử phạt: **Vũ Khánh D** 18 (Mười tám) tháng tù về tội Cố ý gây thương tích. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 04/8/2023.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự xử phạt: **Trần Quốc T** 18 (Mười tám) tháng tù về tội Cố ý gây thương tích. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án (trừ cho bị cáo thời gian bị tạm giam từ ngày 04/8/2023 đến ngày 02/10/2023).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về hình phạt đối với các bị cáo khác, về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

Ngày 29/01/2024, người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Nguyễn Nguyên V có đơn kháng cáo đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo.

Ngày 29/01/2024, người đại diện hợp pháp của bị cáo Vũ Đình M có đơn kháng cáo đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo.

Ngày 29/01/2024, bị cáo Lê Văn L có đơn kháng cáo đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo.

Ngày 02/02/2024, bị cáo Trần Quốc T có đơn kháng cáo đề nghị được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ để bị cáo có cơ hội được học tập.

Ngày 31/01/2024, bị cáo Vũ Khánh D có đơn kháng cáo và ngày 01/02/2024, người đại diện hợp pháp của bị cáo Vũ Khánh D có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ngày 26/01/2024, bị cáo Phạm Ngọc H có đơn kháng cáo đề nghị cho bị cáo giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Xét kháng cáo của các bị cáo và người đại diện hợp pháp của các bị cáo trong thời hạn quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết. Toà án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội danh và áp dụng mức hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Khánh D, bị cáo Trần Quốc T và người đại diện hợp pháp của các bị cáo Vũ Đình M, Vũ Khánh D; giữ nguyên phần hình phạt đối với các bị cáo Vũ Đình M, Vũ Khánh D, Trần Quốc T tại Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2024/HS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng:

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc H, bị cáo Lê Văn L và người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Nguyễn Nguyên V. Sửa một phần bản án về phần hình phạt đối với các bị cáo Trần Nguyễn Nguyên V, Phạm Ngọc H, Lê Văn L, giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo tại Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2024/HS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, đề nghị HĐXX tuyên về án phí hình sự phúc thẩm của người kháng cáo theo quy định pháp luật.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Nguyễn Nguyên V:* Đề nghị không áp dụng tình tiết tăng nặng xúi giục người dưới 18 tuổi đối với bị cáo Trần Nguyễn Nguyên V với lý do bị cáo V chưa đủ 18 tuổi, các bị cáo khác cũng cùng lứa tuổi với bị cáo V. Về mức hình phạt của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử bị cáo V là quá nặng so với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo V có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị cáo V, cho bị cáo V được hưởng án treo.

- *Người bào chữa cho bị cáo Vũ Khánh D và Trần Quốc T:*

Xuất phát từ việc bị cáo V và bị hại T3 xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi và hện đánh nhau. Trong hồ sơ vụ án không có bệnh án của Bệnh viện đối với bị hại T3 mà chỉ có kết luận giám định tổn thương cơ thể. Đối chiếu với Thông tư 22/2019/TT-BYT quy định về tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần do Bộ trưởng Bộ Y ban hành thì tỉ lệ thương tích của bị hại T3 chỉ từ 06-8%, tức là chưa đến 10%. Tại cấp sơ thẩm, người bào chữa đã đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa để triệu tập giám định viên nhưng không được chấp nhận. Do vậy, Kết luận giám định này là không chính xác, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để đánh giá hành vi của các cơ quan tố tụng.

Bị cáo Vũ Khánh D và bị cáo Trần Quốc T không tham gia trực tiếp đánh bị hại. Mức độ phạm tội của hai bị cáo trong vụ án là không đáng kể, không phải là người cầm đầu, rủ rê, lôi kéo các bị cáo khác. Khi phạm tội, các bị cáo chưa đủ 18 tuổi. Các bị cáo trong quá trình giải quyết vụ án luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và được gia đình bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo D cung cấp được một số tài liệu, chứng cứ thể hiện ông nội, ông ngoại, cụ nội bị cáo là người có công với cách mạng, đề nghị áp dụng đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho cả hai bị cáo.

Đối với các Quyết định xử phạt hành chính của các bị cáo: Bị cáo T và D đã chấp hành xong Quyết định xử phạt hành chính nên không ảnh hưởng gì đến việc đánh giá về nhân thân của bị cáo, đề nghị không áp dụng để quyết định hình phạt đối với các bị cáo. Do vậy, các bị cáo vẫn đủ điều kiện được hưởng án treo.

Các bị cáo và người đại diện hợp pháp của các bị cáo không tranh luận.

Bị cáo Vũ Khánh D nói lời sau cùng: Bị cáo rất ăn năn, hối lỗi về hành vi phạm tội của mình, tuổi bị cáo còn trẻ, do không hiểu biết nên đã vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo được về với gia đình và xã hội.

Các bị cáo Trần Nguyễn Nguyên V, Phạm Ngọc H, Vũ Đình M, Lê Văn L, Trần Quốc T nói lời sau cùng: Trong thời gian qua, các bị cáo rất ăn năn, hối lỗi về hành vi phạm tội của mình, do các bị cáo còn trẻ, không hiểu biết nên đã vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xét xử các bị cáo được hưởng án treo để được trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét kháng cáo của các bị cáo và người đại diện hợp pháp của các bị cáo trong hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 04/3/2023, tại khu vực thôn N, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, Trần Nguyễn Nguyên V và các bị cáo khác đã có hành vi dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho anh Nguyễn Nhật T3 làm anh T3 bị tổn thương cơ thể là 12% sức khỏe. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo và người đại diện hợp pháp của các bị cáo:

[3.1] Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và áp dụng mức hình phạt đối với từng bị cáo là phù hợp.

[3.2] Đối với bị cáo Vũ Khánh D, Vũ Đình M, Trần Quốc T: Ngoài hành vi phạm tội trên bị cáo Vũ Khánh D còn có thêm hành vi gây rối trật tự công cộng, đã bị Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xử phạt 24 tháng tù tại Bản án số 01/2024/HS-ST ngày 02/01/2024. Bị cáo Vũ Khánh D, Vũ Đình M, Trần Quốc T đều bị xử phạt vi phạm hành chính vào ngày 12/5/2023. Xét thấy, các bị cáo D, M, T có ý thức chấp hành pháp luật kém, nhân thân xấu, liên tục có hành vi vi phạm pháp luật nên không đủ điều kiện được hưởng án treo và cải tạo không giam giữ. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo M, T không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ nào mới, gia đình bị cáo D cung cấp tài liệu thể hiện ông nội và ông ngoại của bị cáo là thương binh, tuy nhiên xét thấy **Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và quyết định** mức hình phạt đối với các bị cáo là **trương xứng**. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo D, T và người đại diện hợp pháp của các bị cáo D, M và quan điểm của người bào chữa cho bị cáo D, T về việc tại phiên tòa.

[3.3] Đối với bị cáo Trần Nguyễn Nguyên V, Phạm Ngọc H, Lê Văn L: Bị cáo L và H phạm tội với vai trò giúp sức, bị rủ rê lôi kéo. Bị cáo V, L khi phạm tội đều là người chưa thành niên, nhận thức pháp luật còn hạn chế. Các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ bao gồm thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường thiệt hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo được quy định

tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo V mặc dù có 01 tình tiết tăng nặng “xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52, tuy nhiên bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3.4] Tại cấp phúc thẩm, bị hại tiếp tục có đơn đề nghị cho các bị cáo Trần Nguyễn Nguyên V, Phạm Ngọc H, Lê Văn L được hưởng án treo. Gia đình các bị cáo Trần Nguyễn Nguyên V, Phạm Ngọc H, Lê Văn L có đơn bảo lãnh, cam kết giám sát giáo dục các bị cáo, có xác nhận của chính quyền địa phương. Đoàn thanh niên nơi các bị cáo cư trú có đơn đề nghị cho các bị cáo được hưởng án treo. Xét thấy, các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, việc cho bị cáo hưởng án treo trong trường hợp này không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Để tạo điều kiện cho các bị cáo có cơ hội lao động, rèn luyện trở thành công dân tốt cho xã hội, căn cứ vào Điều 65 của Bộ luật Hình sự, giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo.

[3.5] Về kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Nguyễn Nguyên V và quan điểm của người bào chữa cho bị cáo V đề nghị không áp dụng tình tiết tăng nặng “xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” đối với bị cáo V: Xét thấy bị cáo Trần Nguyễn Nguyên V rủ bị cáo Phạm Văn Công T5 (dưới 18 tuổi) đi đánh nhau, người xúi giục không bắt buộc phải là người đã thành niên. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này và quan điểm bào chữa của người bào chữa cho bị cáo V.

[3.6] Về nội dung tranh luận của người bào chữa cho bị cáo T và D yêu cầu xem xét lại kết quả giám định tổn thương cơ thể đối với bị hại T3: **Nhận thấy**, kết luận giám định về tỷ lệ thương tích của bị hại là phù hợp với quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019. Mặt khác, các bị cáo và người đại diện hợp pháp của các bị cáo không kháng cáo về nội dung này, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm **sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2024/HS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng**: Không chấp nhận kháng cáo của của bị cáo Vũ Khánh D, bị cáo Trần Quốc T, người đại diện hợp pháp của bị cáo Vũ Đình M và Vũ Khánh D, giữ nguyên mức hình phạt đối với các bị cáo tại bản án sơ thẩm. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc H, bị cáo Lê Văn L **và chấp nhận một phần kháng cáo** của người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Nguyễn Nguyên V, giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo.

[5] Đối với bị cáo Vũ Khánh D: Tại thời điểm xét xử phúc thẩm, Bản án hình sự phúc thẩm số 38/2024/HS-PT ngày 27/3/2024 của Tòa án nhân dân

thành phố Hải Phòng xét xử bị cáo D về tội “Gây rối trật tự công cộng” với mức hình phạt là 24 tháng tù đã có hiệu lực pháp luật. Do vậy căn cứ vào Điều 55 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử tổng hợp hình phạt với Bản án nêu trên, buộc bị cáo D phải chấp hành hình phạt tù của hai bản án.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

[7] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Vũ Khánh D, bị cáo Trần Quốc T, người đại diện hợp pháp của bị cáo Vũ Đình M, phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận. Do bị cáo Vũ Khánh D chưa đủ 18 tuổi nên người đại diện hợp pháp của bị cáo sẽ nộp thay. Bị cáo Phạm Ngọc H, bị cáo Lê Văn L, người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Nguyễn Nguyên V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Khánh D, bị cáo Trần Quốc T và người đại diện hợp pháp của bị cáo Vũ Đình M, Vũ Khánh D; giữ nguyên phần hình phạt đối với các bị cáo Vũ Đình M, bị cáo Vũ Khánh D, Trần Quốc T tại Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2024/HS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; áp dụng thêm điểm o khoản 1 Điều 52 đối với bị cáo Vũ Đình M; Điều 17; Điều 38; Điều 58; áp dụng thêm Điều 55 đối với bị cáo Vũ Khánh D; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật hình sự,

Tuyên bố các bị cáo Vũ Đình M, Vũ Khánh D, Trần Quốc T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo **Vũ Đình M** 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án (trừ cho bị cáo thời gian bị tạm giam từ ngày 04/8/2023 đến ngày 02/10/2023).

Xử phạt bị cáo **Vũ Khánh D** 18 (mười tám) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 24 (hai mươi tư) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” tại Bản án hình sự phúc thẩm số 38/2024/HS-PT ngày 27/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 04 tháng 8 năm 2023).

Xử phạt bị cáo **Trần Quốc T** 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án (trừ cho bị cáo thời gian bị tạm giam từ ngày 04/8/2023 đến ngày 02/10/2023).

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc H, bị cáo Lê Văn L và **chấp nhận một phần kháng cáo của** người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Nguyễn Nguyên V. Sửa một phần bản án về phần hình phạt đối với các bị cáo Trần Nguyễn Nguyên V, Phạm Ngọc H, Lê Văn L tại Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2024/HS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; áp dụng thêm điểm o khoản 1 Điều 52 đối với bị cáo Trần Nguyễn Nguyên V; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65, áp dụng thêm Điều 91, Điều 101 đối với bị cáo Trần Nguyễn Nguyên V và bị cáo Lê Văn L; Điều 58 của Bộ luật hình sự,

Tuyên bố các bị cáo Trần Nguyễn Nguyên V, Lê Văn L, Phạm Ngọc H phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo **Trần Nguyễn Nguyên V** 30 (ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Xử phạt bị cáo **Lê Văn L** 24 (hai mươi **tư**) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Xử phạt bị cáo **Phạm Ngọc H** 30 (Ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo **Trần Nguyễn Nguyên V** cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

Giao bị cáo **Lê Văn L** cho Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện T, thành phố Hải Phòng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

Giao bị cáo **Phạm Ngọc H** cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Điều 92 Luật Thi hành án hình sự như sau:

Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự.

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Vũ Khánh D, bị cáo Trần Quốc T và người đại diện hợp pháp của bị cáo Vũ Đình M phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng. Do bị cáo Vũ Khánh D chưa đủ 18 tuổi nên người đại diện hợp pháp của bị cáo có trách nhiệm nộp thay bị cáo số tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Phạm Ngọc H, bị cáo Lê Văn L và người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Nguyễn Nguyên V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2024/HS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự.

Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng;
- Công an huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng;
- TAND huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng;
- PV06 Công an TP. Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP. Hải Phòng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀN**

Bùi Thị Thúy Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Minh Hạnh - Vũ Quang Trung

Bùi Thị Thúy Hà

